**Thực hành Tiếng Việt:**

**LỰA CHỌN TỪ NGỮ PHÙ HỢP VỚI NGHĨA CỦA VĂN BẢN**

**I. Mục tiêu**

***1. Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

- Giải quyết vấn đề: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***2. Về phẩm chất:***

*-* Chăm chỉ:chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, kết nối nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV tổ chức trò chơi: **CHƠI TRỐN TÌM CÙNG BẠCH TUYẾT VÀ 7 CHÚ LÙN**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | GV tổ chức trò chơi: **CHƠI TRỐN TÌM CÙNG BẠCH TUYẾT VÀ 7 CHÚ LÙN**  Hãy giúp Bạch Tuyết tìm xem các chú lùn trốn ở đâu bằng cách điền đúng từ vào chỗ trống. Có 5 câu hỏi với mỗi câu trả lời đúng em sẽ nhận được 1 điểm 9, sai nhường quyền trả lời cho bạn khác.  **1. Thân em như trái bần trôi**  **Gió dập sóng rồi biết … vào đâu**  A. phải B. dạt C. trôi D. tấp  **2. Công cha như núi ngất trời**  **Nghĩa mẹ như nước ở … biển Đông**  A. dòng B. ngoài C. miền D. trên  **3. Sông sâu còn có kẻ …**  **Mấy ai lấy thước mà đo lòng người**  A. dò B. qua C. sang D. bơi  **4. Chim khôn kêu tiếng rảnh rang**  **Người khôn nói tiếng … … dễ nghe**  A. rõ ràng B. dịu dàng C. hiền lành D. thật thà  **5. Anh em nào phải …**  **Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân**  **A. người dưng B. người ngoài**  **C. người thân D. người xa** | 1. **D. tấp**  2. **B. ngoài**  3. **A. dò**  **4. B. dịu dàng**  5. **A. người dưng** |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS tham gia hoạt động xếp từ |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | HS ghép thành nhóm tạo từ có nghĩa |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét hoạt động, chuyển ý giới thiệu vào nội dung bài học |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được cách lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV giao PHT số 1, yêu cầu HS quan sát phần Tri thức tiếng Việt hoàn thành phiếu (thời gian 5p).  - Hết thời gian GV gọi báo cáo theo tinh thần xung phong. | **I. Tri thức tiếng Việt** |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động nhóm hoàn thành nhiệm vụ. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | Nhóm được chỉ định cử đại diện trình bày, nhóm khác bổ sung |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức. |
| Dự kiến sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | Phiếu học tập số 1 | | | Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết | Tác dụng | | - Xác định nội dung cần diễn đạt.  - Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất.  - Chú ý khả năng kết hợp hài hòa giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ đứng trước và sau nó trong câu (đoạn văn). | - Giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (người viết) muốn thể hiện. | | Ví dụ: So với cánh đồng bao la, bát ngát, cô gái quá nhỏ bé, mảnh mai.  Các từ “mảnh mai” và “mảnh khảnh” đều có nghĩa là mảnh, trông có vẻ yếu nhưng từ “mảnh mai” thể hiện vẻ đẹp ưa nhìn nên tác giả chọn từ “mảnh mai”. | | | | |

**Hoạt động 3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Biết cách lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

- Luyện tập làm bài tập được giao.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | GV sử dụng phương pháp vấn đáp hướng dẫn HS làm bài tập số 1  a. Từ phồn hoa trong dòng thơ thứ nhất nên được hiểu như thế nào? Ta liệu có thể rất hay từ “phồn hoa” bằng từ “phồn vinh” được hay không? Hãy lý giải?  b. Tìm và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.”  - Biện pháp tu từ: so sánh: *phố giăng mắc cửi/ đường quanh bàn cờ*  - Tác dụng: Gợi sự sầm uất, đông đúc của chốn kinh kì.  c. Trong dòng thơ cuối có thể dùng từ “bút đây” thay cho “bút hoa” được không? Sự lựa chọn từ “bút hoa” góp phần thể hiện sắc thái ý nghĩa gì của đoạn ca dao trên? | **II. Thực hành tiếng Việt**  **Bài 1:**  a. “*Phồn hoa”*: cảnh sống náo nhiệt, giàu có, xa hoa  *“Phồn vinh”*: đất nước giàu có, bước vào thời kì thịnh vượng  - Lựa chọn phồn hoa trong câu ca dao là hợp lí. Không thể thay thế “phồn vinh” cho “phồn hoa”.  **b.**  - Biện pháp tu từ: so sánh: *phố giăng mắc cửi/ đường quanh bàn cờ*  - Tác dụng: Gợi sự sầm uất, đông đúc của chốn kinh kì.  c. Không thể thay thế “*bút đây*” cho “*bút hoa*” ở câu cuối  Vì từ “*bút đây*” chỉ đơn thuần gợi phương tiện viết thơ không thể gợi được sự tài hoa của người viết như trong từ “bút hoa”. |
| Thực hiện nhiệm vụ | HS lắng nghe, suy nghĩ đưa ra đáp án. |
| Báo cáo/ Thảo luận | HS trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV, HS khác bổ sung, hoàn thiện. |
| Kết luận/ Nhận định | GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | GV gọi 2 HS lên bảng làm bài tập số 1 và 2.  Trong thời gian chờ đợi GV hướng dẫn HS làm bài tập số 3 | bài 2:  a. “*sẵn*” trong câu ca dao có nghĩa: có nhiều đến mức cần bao nhiêu có bấy nhiêu. Nghĩa của từ “*sẵn*” hoàn toàn phù hợp với nội dung của câu cau dao: giúp thể hiện sự giàu có, trù phú về sản vật ở vùng Tháp Mười.  b. Biện pháp tu từ: điệp từ “*sẵn*”.  - Tác dụng: Nhấn mạnh vào tính chất trù phú, giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.  Bài 3:  1 – e; 2 – g; 3 – h; 4 – k; 5 – i; 6 – a; 7 – b; 8 – c; 9 – đ; 10 – d |
| Thực hiện nhiệm vụ | HS được chỉ định lên bảng làm bài tập.  HS khác theo hướng dẫn GV thực hiện bài tập 3. |
| Báo cáo/ Thảo luận | HS lên bảng giải => HS dưới lớp nhận xét, chỉnh sửa.  Với bài tập 3 HS được chỉ định đưa ra đáp án. |
| Kết luận/ Nhận định | GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | GV phát PHT yêu cầu các nhóm thảo luận nhóm 4 hoàn thành phiếu.  Hết thời gian các nhóm trưng bày sản phẩm  GV gọi nhóm bất kì lên báo cáo, chỉnh sửa | Bài 4 |
| Thực hiện nhiệm vụ | HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu |
| Báo cáo/ Thảo luận | Nhóm được chỉ định cử HS trình bày sản phẩm  Nhóm khác chỉnh sửa, hoàn thiện |
| Kết luận/ Nhận định | GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức |
| Dự kiến sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | **Đọc bài tập 4 và hoàn thành phiếu** | | | **Từ láy** | **Tác dụng với việc thể hiện nội dung trong đoạn văn** | | Ngắn ngủi | - Nhấn mạnh dung lượng bài ca dao rất ít. | | Thiết tha | - Giúp người đọc hình dung rõ nét hơn về thế giới cảm xúc của người dân quê. | | Dân dã, mộc mạc | - Nhấn mạnh sự chất phát, bình dị, mộc mạc của người dân quê nơi thôn dã. | | Tha thiết, ngọt ngào | - Giúp người đọc hình dung rõ nét hơn về âm điệu của bài ca dao. | | Bâng khuâng, xao xuyến | - Giúp người đọc hình dung rõ nét hơn về cảm xúc của người viết đối với bài ca dao. | | | |

**II. Hoạt động viết ngắn**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn liên quan đến nội dung bài học.

**b. Nội dung**: Sử dụng kĩ thuật viết tích cực.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | **Kĩ thuật: Viết tích cực**  Cách tiến hành  B1: GV giao đề bài và dành thời gian cho HS tự do viết câu trả lời.  B2: HS viết nhanh, ngắn gọn những gì các em biết về nội dung bài học thời gian 5p.  B3: GV yêu cầu vài HS chia sẻ nội dung mà các em đã viết trước lớp theo hình thức trình bày 1 phút, dùng bảng kiểm đánh giá bài đồng đẳng.  Tìm một số bức ảnh đặc trưng thể hiện vẻ đẹp của một địa danh nơi em đang sống: Những cây cầu ở Đà Nẵng/ Chùa Linh Ứng, Sơn Trà/ bãi Tiên Sa, Sơn Trà... và viết một đoạn văn giới thiệu vẻ đẹp của cảnh quan được thể hiện trong những bức ảnh đó? | **III. Viết ngắn**  Sản phẩm của học sinh |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS tiến hành viết.  - GV theo dõi, hướng dẫn. |
| Báo cáo thảo luận | - GV gọi vài HS chia sẻ bài viết. |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét, cho điểm |

**IV. Hồ sơ dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 1** | |
| **Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết** | **Tác dụng** |
|  |  |
| **Ví dụ:** | |

**PHT số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc bài tập 4 và hoàn thành phiếu** | |
| **Từ láy** | **Tác dụng với việc thể hiện nội dung trong đoạn văn** |
| Ngắn ngủi |  |
| Thiết tha |  |
| Dân dã, mộc mạc |  |
| Tha thiết, ngọt ngào |  |
| Bâng khuâng, xao xuyến |  |

**Bảng kiểm viết ngắn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | | Đạt | C/đạt |
| 1. Nội dung | - Giới thiệu vẻ đẹp địa danh. |  |  |
| 2. Hình thức đoạn văn | - Viết hoa, lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. |  |  |
| 3. Sử dụng trạng ngữ | - Đảm bảo từ ngữ được sử dụng tinh tế, khéo léo, phù hợp với nội dung trong văn bản. |  |  |
| 4. Dung lượng 150 – 200 chữ | - Đảm bảo dung lượng trong giới hạn. |  |  |